

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

08 2509 2007

010 2374170

asco@asco.vn

www.asco.vn



Số: 04/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4493-2024-149-1

Kiểm toán viên

Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.960.220.512	65.017.462.014
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.837.541.091	14.912.249.593
111 1. Tiền		55.837.541.091	14.912.249.593
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	39.000.000.000	39.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.000.000.000	39.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.955.426.690	4.488.395.969
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	966.902.161	2.004.305.213
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	706.040.560	322.675.666
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.282.483.969	2.161.415.090
140 IV. Hàng tồn kho	8	13.180.621.813	6.346.596.159
141 1. Hàng tồn kho		13.180.621.813	6.346.596.159
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.986.630.918	270.220.293
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	45.147.746	63.453.454
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.734.716.333	-
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	206.766.839	206.766.839
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.410.503.611	4.929.160.798
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		390.695.000	350.000.000
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	390.695.000	350.000.000
220 II. Tài sản cố định		4.909.228.362	4.527.404.586
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.906.528.362	4.513.904.586
222 - Nguyên giá		15.995.721.946	15.318.836.379
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(11.089.193.584)	(10.804.931.793)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	2.700.000	13.500.000
228 - Nguyên giá		54.000.000	54.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(51.300.000)	(40.500.000)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		110.580.249	51.756.212
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	110.580.249	51.756.212
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		120.370.724.123	69.946.622.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		52.663.829.080	28.478.859.593
310 I. Nợ ngắn hạn		52.663.829.080	28.478.859.593
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	188.154.829	379.225.855
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.896.570.584	9.047.276.385
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.108.000.747	3.853.197.386
314 4. Phải trả người lao động		2.961.000.000	636.000.000
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		70.000.000	55.000.000
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	159.016.701	262.478.171
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.286.974.023	6.505.495.329
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		22.640.000	22.640.000
322 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.971.472.196	7.717.546.467
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.706.895.043	41.467.763.219
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	67.706.895.043	41.467.763.219
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.249.480.000	12.249.480.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.249.480.000	12.249.480.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		520.000	520.000
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		17.943.584.934	14.222.720.689
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.513.310.109	14.995.042.530
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.226.041	54.226.041
421b - LNST chưa phân phối năm nay		37.459.084.068	14.940.816.489
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		120.370.724.123	69.946.622.812

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2023

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	252.338.882.462	141.933.363.368
02 1. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		252.338.882.462	141.933.363.368
11 3. Giá vốn hàng bán	20	182.373.350.779	111.812.736.540
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.965.531.683	30.120.626.828
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.398.161.444	1.633.682.542
22 6. Chi phí tài chính		-	-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25 7. Chi phí bán hàng		-	-
26 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	27.632.681.757	14.657.184.512
30 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.731.011.370	17.097.124.858
31 9. Thu nhập khác	23	570.717.382	1.743.361.174
32 10. Chi phí khác	24	249.089.878	238.100.522
40 11. Lợi nhuận khác		321.627.504	1.505.260.652
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.052.638.874	18.602.385.510
51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	9.593.554.806	3.431.956.442
52 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>37.459.084.068</u>	<u>15.170.429.068</u>
70 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	30.580	12.385
71 17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		30.580	12.385

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	47.052.638.874	18.602.385.510
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	600.249.588	724.097.837
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(167.652.955)	(230.727.159)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.132.018.595)	(1.402.955.383)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	44.353.216.912	17.692.800.805
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(1.163.292.054)	83.880.417
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(6.834.025.654)	2.743.550.828
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	15.539.488.916	3.028.900.266
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(40.518.329)	(85.518.666)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.428.942.264)	(1.688.244.616)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.140.000	58.632.037
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.616.338.515)	(238.116.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	46.811.729.012	21.595.884.961
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(982.073.364)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	254.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(36.000.000.000)	(43.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	36.000.000.000	29.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.798.323.140	808.955.383
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.070.795.231	(13.191.044.617)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	40.757.638.543	7.179.892.344
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	14.912.249.593	7.501.630.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	167.652.955	230.727.159
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	55.837.541.091	14.912.249.593

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Luận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2023

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 đồng, tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 64 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad	1202 tầng 12 tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm ... được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	633.744.517	807.347.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.203.796.574	14.104.902.411
Tổng	55.837.541.091	14.912.249.593

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Tổng	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,1%/năm.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng hội chợ Điện tử và Thiết bị thông minh	-	-	1.380.436.947	-
Khách hàng thuê văn phòng	185.265.400	-	25.624.400	-
Khách hàng thuê biển Quảng cáo	433.080.000	-	31.320.000	-
Khách hàng hội chợ Expo tại Sài Gòn	12.960.000	-	-	-
Khách hàng triển lãm xe đạp thể thao	-	-	29.827.006	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	335.596.761	-	537.096.860	-
Tổng	966.902.161	-	2.004.305.213	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	143.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	177.858.300	-
Công ty Cổ phần Eurowindow	169.108.360	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thiết kế Xây dựng PH	240.500.000	-	-	-
Khác	153.432.200	-	144.817.366	-
Tổng	706.040.560	-	322.675.666	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.033.539.221	-	692.548.448	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.938.300.000	-	859.150.000	-
Phải thu khác	310.644.748	-	609.716.642	-
Tổng	3.282.483.969	-	2.161.415.090	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	390.695.000	-	350.000.000	-
Tổng	390.695.000	-	350.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.180.621.813	-	6.346.596.159	-
Tổng	13.180.621.813	-	6.346.596.159	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
- Mua trong năm	-	39.545.455	942.527.909	982.073.364
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
Số dư cuối năm	11.283.675.683	408.838.354	4.303.207.909	15.995.721.946
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	8.175.498.798	345.526.744	2.283.906.251	10.804.931.793
- Khấu hao trong năm	149.378.380	25.459.218	414.611.990	589.449.588
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
Số dư cuối năm	8.324.877.178	332.531.417	2.431.784.989	11.089.193.584
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.108.176.885	62.220.700	1.343.507.001	4.513.904.586
Số dư cuối năm	2.958.798.505	76.306.937	1.871.422.920	4.906.528.362

- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.871.636.970 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.598.949.173 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
Số dư cuối năm	54.000.000	54.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	40.500.000	40.500.000
- Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
Số dư cuối năm	51.300.000	51.300.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	13.500.000	13.500.000
Số dư cuối năm	2.700.000	2.700.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuê máy chủ hosting	18.000.000	36.000.000
Các khoản khác	27.147.746	27.453.454
Tổng	45.147.746	63.453.454
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	110.580.249	51.756.212
Tổng	110.580.249	51.756.212

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Biển quảng cáo	38.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	331.632.000	-
Hội chợ Y dược Sài Gòn	38.834.600	-	-	-
Khác	111.320.229	-	47.593.855	-
Tổng	188.154.829	-	379.225.855	-

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khách hàng thuê Văn phòng	118.459.375	166.417.375
Khách hàng hội chợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	2.651.874.547	878.075.090
Khách hàng hội chợ Expo tại Hà Nội	624.329.678	589.900.411
Khách hàng triển lãm Mẹ và Bé tại TP. Hồ Chí Minh	4.170.477.000	1.826.429.440
Hội chợ Y dược Sài Gòn	559.507.853	65.884.900
Hội chợ triển lãm nguồn cung toàn cầu	-	3.498.961.195
Khách hàng triển lãm Vật liệu Trung Quốc	-	477.065.504
Khác	2.771.922.131	1.544.542.470
Tổng	10.896.570.584	9.047.276.385

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.766.839	1.088.389.952	6.512.678.069	4.810.027.133	206.766.839	2.791.040.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.424.102.264	9.595.694.806	3.428.942.264	-	8.590.854.806
Thuế thu nhập cá nhân	-	340.705.170	2.985.506.608	1.600.106.725	-	1.726.105.053
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	554.290.695	554.290.695	-	-
Các loại thuế khác	-	-	86.844.352	86.844.352	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.107.450	1.107.450	-	-
	206.766.839	3.853.197.386	19.736.121.980	10.481.318.619	206.766.839	13.108.000.747

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	137.601.999	130.279.699
Bảo hiểm xã hội	3.268.850	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.146.103.174	6.375.215.630
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam - Khách hàng trả trước</i>	<i>2.587.614.900</i>	<i>3.615.215.630</i>
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - đặt cọc</i>	<i>12.333.685.974</i>	<i>1.730.000.000</i>
<i>Ông Vũ Hoàng - hợp tác kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>1.030.000.000</i>
<i>Có tức phải trả</i>	<i>224.802.300</i>	<i>-</i>
Tổng	<u>15.286.974.023</u>	<u>6.505.495.329</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	159.016.701	262.478.171
Tổng	<u>159.016.701</u>	<u>262.478.171</u>

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

Số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B09-DN

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.541.936.006	28.014.656.695
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.170.429.068	15.170.429.068
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(1.224.948.000)	(1.224.948.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	(262.761.965)	(262.761.965)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(229.612.579)	(229.612.579)
Số dư cuối năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Số dư đầu năm nay	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.459.084.068	37.459.084.068
Chi cổ tức (ii)	-	-	-	(7.349.688.000)	(7.349.688.000)
Trích các quỹ (ii)	-	-	3.720.864.245	(7.441.728.489)	(3.720.864.244)
Giảm do chi thường	-	-	-	(149.400.000)	(149.400.000)
Số dư cuối năm nay	12.249.480.000	520.000	17.943.584.934	37.513.310.109	67.706.895.043

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 02/NQ-DHĐCD ngày 19/4/2022 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ Chia cổ tức 10% tương ứng số tiền 1.224.948.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 262.761.965 đồng.

(ii) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 06/NQ-DHĐCD ngày 18/4/2023 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 60% tương ứng số tiền 7.349.688.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền 3.720.864.245 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	12.249.480.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-
c) Cổ phiếu		
	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		
d) Các quỹ của Công ty		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.943.584.934	14.222.720.689
	17.943.584.934	14.222.720.689
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngoại tệ các loại		
	31/12/2023	01/01/2023
- USD	2.003.447,09	472.264,07
- EUR	63.133,25	24.316,11
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.338.882.462	141.933.363.368
Tổng	252.338.882.462	141.933.363.368

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	182.373.350.779	111.812.736.540
Tổng	182.373.350.779	111.812.736.540

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.877.473.140	1.402.955.385
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.353.035.349	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	167.652.955	230.727.159
Tổng	4.398.161.444	1.633.682.542

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	23.474.254.281	12.031.556.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.281.579.931	1.184.769.948
Chi phí khác bằng tiền	569.576.000	439.238.182
Tổng	27.632.681.757	14.657.184.512

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công nợ không phải trả	-	1.674.501.137
Thu phạt hợp đồng kinh tế	127.150.600	68.073.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	254.545.455	-
Các khoản khác	189.021.327	787.037
Tổng	570.717.382	1.743.361.174

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	35.306.193	153.906.664
Các khoản khác	213.783.685	84.193.858
Tổng	249.089.878	238.100.522

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.052.638.874	18.602.385.510
Các khoản điều chỉnh tăng	1.662.805.808	553.027.308
- Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ đồng	81.360.000	81.360.000
- Chênh lệch thuế GTGT không được khấu trừ	183.274.412	-
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	1.203.000.000	235.000.000
- Khoản phạt và khoản khác không được trừ	195.171.396	236.667.308
Các khoản điều chỉnh giảm	(747.670.652)	(1.995.630.610)
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm trước	-	(230.727.159)
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm nay	(167.652.955)	-
- Thu nhập khác đã truy thuế 2021	-	(1.638.350.400)
- Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh	(580.017.697)	(126.553.051)
Thu nhập tính thuế TNDN	47.967.774.030	17.159.782.208
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.593.554.806	3.431.956.442

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	37.459.084.068	15.170.429.068
Các khoản điều chỉnh:	-	(3.720.864.244)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.720.864.244)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.459.084.068	11.449.564.824
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.580	9.347

Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	28.053.611.160	13.369.042.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.342.433.598	108.669.015.258
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí khác bằng tiền	1.136.741.887	686.692.634
Tổng	216.840.058.190	123.726.370.224

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT	106.159.500	-
2	Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT	84.928.500	-
3	Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT	70.771.500	-
4	Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
5	Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
6	Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	53.786.800	-
7	Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
8	Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
Tổng			545.528.480	-

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 được chi trả vào năm 2023, số tiền 545.528.480 VND.

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc	526.839.320	346.682.440
2	Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc	542.588.049	327.513.335
3	Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	486.937.000	321.388.572
4	Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	484.762.000	288.929.999
Tổng			2.041.126.369	1.284.514.346

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận